

臺北市新住民語文補充教材 越南語第一輯(第二冊)

臺北市

新住民語文教育補充教材

臺北市政府教育局主辦

臺北市內湖區潭美國民小學承辦

臺北市新住民語文教育輔導團協辦

出版機關：臺北市政府教育局

發行人：曾燦金

指導委員：陳素慧、鄧進權、譚亦聰、鍾德馨、張爰珏
陳妍妤

諮詢單位/委員：國立臺北教育大學東協人力教育中心
王大修

編審委員：吳勝學、羅永治、王培玲、李依娟、徐春星
黃培培、黃忠信、廖燕燕、蔡朝現

編輯單位：臺北市內湖區潭美國民小學

總編輯：林碧雲

編輯行政：吳秉儒、龍玉珊、陳威宇、李璿瑞

編輯小組：(越南語) 麥美雲、阮氏蘭英

(印尼語) 馮燕妮、勞貴琳

(泰語) 沈曉靜、匡春芝、夏茂蓮

(馬來語) 吳振南、嚴永真、沈詩意

(菲律賓語) 陳慈治

(緬甸語) 葉影擬、黃志容

(柬埔寨語) 潘喜玲

插圖/封面設計：翁其璋

美術/文字編輯：吳昱瑩

本書/檔案登載於臺北市新住民子女教育資訊網之教材專區

出版年月：111年10月

越南

菲律賓



臺北市政府教育局

DEPARTMENT OF EDUCATION
TAIPEI CITY GOVERNMENT



越南

Bài 2 Hộp bút có gì?

第^ハ二^ニ課^カ 鉛^ン筆^ペ盒^コ裡^ニ有^ア什^ニ麼^デ

設計者：麥美雲、阮氏蘭英



臺北市府教育局
DEPARTMENT OF EDUCATION
TAIPEI CITY GOVERNMENT



Bài 2 Hộp bút có gì?

第二課 鉛筆盒裡有什麼



補充教材 目次

- 1 教室環境布置
- 2 學生的上課桌子
- 3 鋼筆
- 4 加一、加
- 5 寫一、寫
- 6 如何愛惜文具
- 7 說一、說
- 8 遊戲；火車文具
- 9 我會唱

教室環境布置

說一說，圖片中的教室特別嗎？





1. "Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào"
2. Học tập tốt, lao động tốt
3. Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt
4. Giữ gìn vệ sinh thật tốt
5. Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm"

Bác Hồ nói : "Non sông việt nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc việt nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu"

知識庫

在越南的教室，通常在黑板的上方掛著胡志明主席的照片，黑板左邊會貼著胡志明主席所教導的五項訓言，右邊是胡志明主席的名言。教室內都設有講台，講台旁設有教師桌椅。

學生的上課桌子

大家仔細看看，學生的上課桌椅特別嗎？



知識庫

越南學生的桌椅，通常是二、三個學生排在一張桌子上。



鋼筆

除了你常用的文具以外，
你們有用過鋼筆寫字嗎？



知識庫

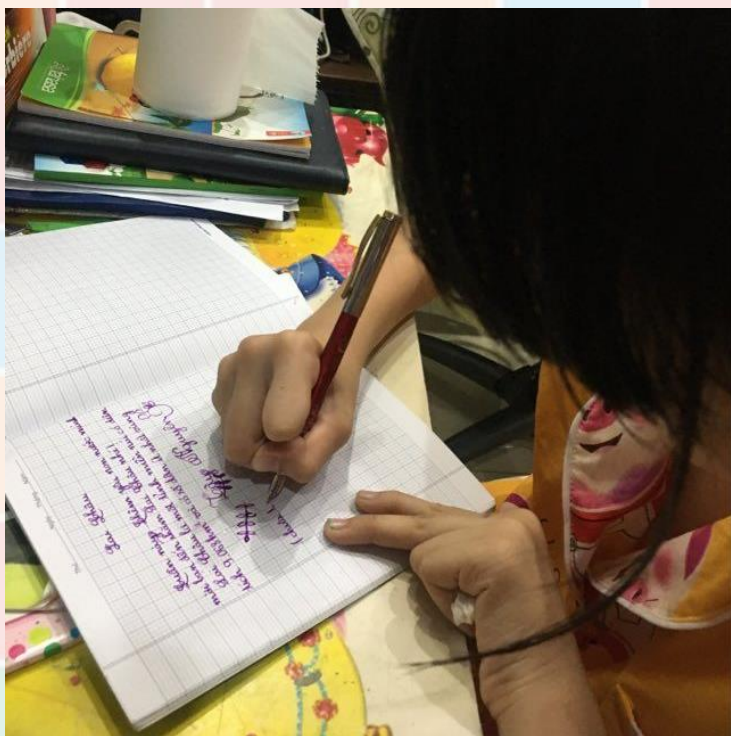
在越南，一年級的第一學期學生用鉛筆寫字。第二學期就開始用鋼筆寫字了，鋼筆的墨水通常是紫色的。

同學們，用鋼筆寫字，
你們知道要注意什麼嗎？

鋼筆的筆尖很脆弱，當我們寫完的時候，一定要把蓋子蓋上，不然筆掉到地上就會壞，不能再使用了。

鋼_{ㄍㄨㄥ}筆_{ㄅㄥ}

你_{ㄋㄨ}覺_{ㄐㄩㄝ}得_{ㄉㄜ}用_ㄩ鋼_{ㄍㄨㄥ}筆_{ㄅㄥ}寫_{ㄘㄩㄥ}字_ㄘ，
字_ㄘ會_ㄟ變_{ㄅㄩㄢ}得_{ㄉㄜ}更_ㄍ漂_{ㄆㄧㄠ}亮_{ㄌㄩㄥ}嗎_{ㄇㄚ}？



知_ㄓ識_ㄕ庫_{ㄎㄨ}

讓_ㄖ學_{ㄒㄩㄝ}生_{ㄕㄨㄥ}用_ㄩ鋼_{ㄍㄨㄥ}筆_{ㄅㄥ}寫_{ㄘㄩㄥ}字_ㄘ。主_ㄓ要_ㄩ是_ㄟ讓_ㄖ學_{ㄒㄩㄝ}生_{ㄕㄨㄥ}練_{ㄌㄩㄢ}習_{ㄘㄩㄥ}寫_{ㄘㄩㄥ}出_ㄟ更_ㄍ美_{ㄇㄟ}更_ㄍ漂_{ㄆㄧㄠ}亮_{ㄌㄩㄥ}的_{ㄉㄜ}字_ㄘ。此_ㄘ外_ㄟ，因_ㄩ鋼_{ㄍㄨㄥ}筆_{ㄅㄥ}的_{ㄉㄜ}墨_{ㄇㄛ}水_ㄟ很_ㄟ容_ㄩ易_ㄟ漏_{ㄌㄨ}水_ㄟ，所_ㄟ以_ㄟ也_ㄟ可_ㄟ以_ㄟ讓_ㄖ學_{ㄒㄩㄝ}生_{ㄕㄨㄥ}寫_{ㄘㄩㄥ}字_ㄘ時_ㄟ更_ㄍ小_ㄩ心_ㄩ，儘_ㄟ量_ㄩ不_ㄟ要_ㄟ讓_ㄖ墨_{ㄇㄛ}水_ㄟ弄_ㄟ髒_ㄟ簿_ㄟ子_ㄘ，這_ㄟ也_ㄟ可_ㄟ以_ㄟ讓_ㄖ學_{ㄒㄩㄝ}生_{ㄕㄨㄥ}養_ㄩ成_ㄟ小_ㄩ心_ㄩ翼_ㄩ翼_ㄩ的_{ㄉㄜ}習_{ㄘㄩㄥ}慣_ㄟ。

加^ㄅ_ㄩ 一^ㄟ 加^ㄅ_ㄩ

大^ㄉ_ㄚ 家^ㄅ_ㄩ 來^ㄌ_ㄞ 比^ㄅ_ㄩ 較^ㄅ_ㄞ 看^ㄎ_ㄞ 看^ㄎ_ㄞ 這^ㄓ_ㄞ 句^ㄐ_ㄞ 話^ㄏ_ㄞ 有^ㄩ_ㄞ 什^ㄕ_ㄞ 麼^ㄇ_ㄞ 不^ㄉ_ㄞ
一^ㄟ 樣^ㄚ_ㄞ 呢^ㄋ_ㄞ? 注^ㄓ_ㄞ 意^ㄧ_ㄞ 一^ㄟ 下^ㄒ_ㄞ 字^ㄘ_ㄞ 的^ㄉ_ㄞ 顏^ㄢ_ㄞ 色^ㄘ_ㄞ 喔^ㄛ_ㄞ

1

hộp bút

鉛筆盒

hộp bút của em

我的鉛筆盒

2

cái kéo

剪刀

cái kéo của anh trai

哥哥的剪刀

寫^T_世一、寫^T_世

大^カ_ヤ家^リ_ヤ來^カ_ラ學^T_世學^T_世寫^T_世字^パ

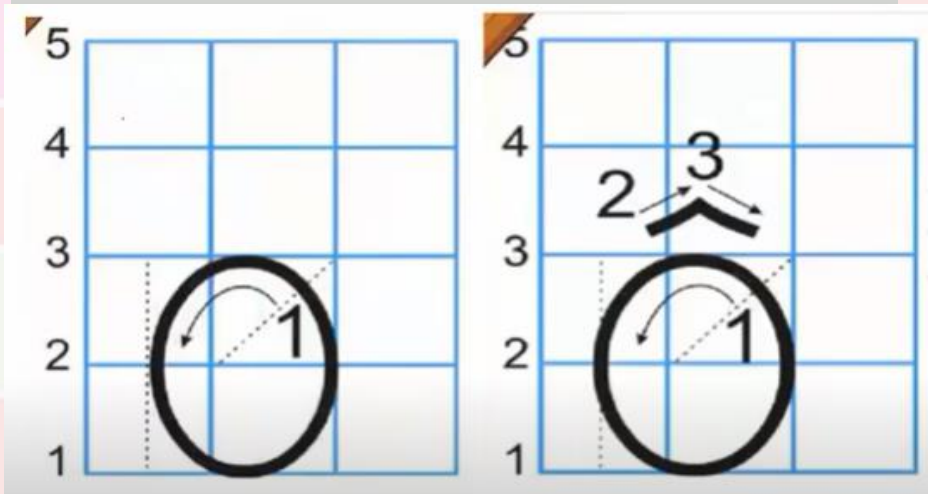
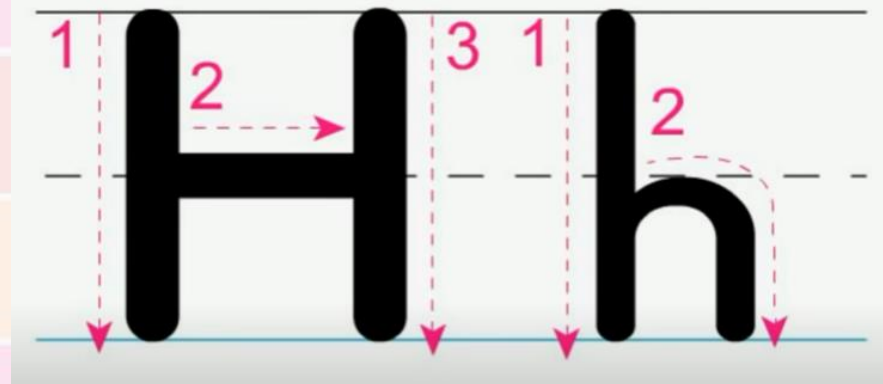
Em tập viết

寫一寫

Chữ hoa 大寫	Chữ thường 小寫
H H H H H H H H	h h h h h h h h
Ô Ô Ô Ô Ô Ô Ô Ô	ô ô ô ô ô ô ô ô



18



如何愛惜文具

1. 大家要愛惜自己跟別人的文具嗎？說說看你的做法是什麼？



說一說

2. 請用越南語說說看，我的鉛筆盒裡有什麼文具？

Hộp bút của em



火車遊戲

1. 請選擇你有的文具(字) ,
火車上會顯示出文具的
圖片。請用越南語大聲
說出

Hộp bút của em có

hồ dán

cục tẩy

cái kéo

bút chì



我會唱

Em biết hát

我會唱

Bông hoa mừng cô

送老師花朵

Mừng tám tháng ba em ra
thăm vườn

三月八日我去花園看花

Chọn một bông hoa xinh tươi
tặng cô giáo

選一朵漂亮的花送給老師

Kìa bông nào đẹp
那朵美麗的花

Kìa bông nào thơm
那朵芳香的花

Em đến thăm cô tung
cánh hoa ra nào
就綻放你美麗的花瓣吧



連結:

<https://dlms.ncu.edu.tw/newres/Vietnam/Vietnam02/>

臺北市新住民語文補充教材
越南語第一輯（第二冊）



Xin cảm ơn!

THANK YOU